

Bản án số: 897/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 30-9-2024  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

– **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Tuấn Khương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Nguyễn Thị Nguyên
- Bà Phan Thị Dòn

– **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Phước – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

– **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Đăng – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 558/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 782/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 662/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Trương Thị Bích L, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Số F1/54D tổ X, ấp Y, xã V, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. **Bị đơn:** Ông Vũ Văn H, sinh năm: 1988

Địa chỉ: Số D1/5 ấp M, xã N, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/5/2024 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Trương Thị Bích L trình bày:*

Bà L và ông Vũ Văn H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2015, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 203, quyền số 02/2015 cấp ngày 19/11/2015. Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc,

nhưng đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do về vấn đề kinh tế, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp; dẫn đến vợ chồng thường hay gây gổ, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Cả hai đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay bà L nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên là Vũ Minh Đ, sinh ngày 29/11/2016 và Vũ Ngọc Gia H1, sinh ngày 02/9/2019. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được nuôi 02 trẻ Đ và trẻ H1, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L xác nhận không có.

*Theo biên bản lấy lời khai ngày 07/8/2024, bị đơn ông Vũ Văn H trình bày:*

Ông H xác nhận về quá trình chung sống giữa ông và bà L là đúng sự thật. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, cuộc sống không có hạnh phúc. Cả hai đã sống ly thân. Nay bà L có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông H đồng ý ly hôn với bà L.

Về con chung: Khi ly hôn, ông H yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ Vũ Minh Đ, sinh ngày 29/11/2016; không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Ông H đồng ý giao trẻ Vũ Ngọc Gia H1, sinh ngày 02/9/2019 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng; ông H sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông H xác nhận không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định; nhưng ông H vắng mặt không có lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

*Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

– Về tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án và về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử

nghi án nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

– Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trương Thị Bích L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Vũ Văn H; bị đơn hiện cư trú tại xã N, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, bị đơn ông Vũ Văn H vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nguyên đơn bà Trương Thị Bích L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ vợ chồng: Bà L và ông H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 203, quyển số 02/2015 cấp ngày 19/11/2015; do đó có cơ sở xác định hôn nhân giữa bà L và ông H là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án, bà L và ông H cùng xác nhận vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Cả hai hiện đã sống ly thân; vợ chồng cũng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và không có thiện chí đoàn tụ. Bà L và ông H đồng ý và thống nhất ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa bà L và ông H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về con chung, vợ chồng chung sống có 02 con chung tên là Vũ Minh Đ, sinh ngày 29/11/2016 và Vũ Ngọc Gia H1, sinh ngày 02/9/2019. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 trẻ Đ và trẻ H1; ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ Đ, đồng ý giao trẻ H1 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ công văn số 1630/UBND ngày 25/7/2024 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện Bình Chánh về việc xác minh tình trạng hôn nhân thì 02 trẻ Đ và trẻ H1 hiện đang ở với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay 02 trẻ Đ và trẻ H1 còn nhỏ việc chăm sóc, nuôi dưỡng cần phải có sự trông nom, nuôi dạy của người mẹ nên việc giao trẻ Đ và trẻ H1 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con mặc dù bà L không yêu cầu

nhưng đây là quyền lợi của trẻ, vì vậy Hội đồng xét xử tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 trẻ Đ và trẻ H1 đối với ông H cho đến khi có đơn yêu cầu.

[3.4] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.5] Về nợ chung: Bà L và ông H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 8; Điều 9; Điều 51; Điều 56, 57, 58; Điều 69; Điều 71; Điều 81, 82, 83, 84, 85, 86; Điều 107; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

**I. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Bích L đối với ông Vũ Văn H.**

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Bích L được ly hôn với ông Vũ Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 203, quyển số 02/2015 đăng ký ngày 19 tháng 11 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Trương Thị Bích L đối với ông Vũ Văn H không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao các trẻ Vũ Minh Đ, sinh ngày 29/11/2016 và trẻ Vũ Ngọc Gia H1, sinh ngày 02/9/2019 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông H khi có đơn yêu cầu.

Ông Vũ Văn H có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết có thể xin thay đổi nuôi con hoặc đóng góp mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà L và ông H xác nhận không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Trương Thị Bích L chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004259 ngày 28/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**II.** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND H. Bình Chánh;
- UBND X. V, H. Bình Chánh,  
TP. HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Tuấn Khương**